

## BẢN LUẬN QUYỂN 50

Trên đây, đã giải thích riêng, về mười năng lực rồi.

Dưới đây là dùng cả bảy môn để phân biệt. Đầu tiên, là nêu bảy môn. Sau giải thích theo thứ lớp.

Đầu tiên, về tự tánh có thể hiểu, kể là trong phân biệt, Pháp sư Viễn Công nói:

1/ Y cứ vào thời gian để nói về lực. Túc trụ trong mười lực, biết quá khứ, thiên nhãn biết vị lai, bảy thông còn lại biết ba đời. Về lậu tận thông, cần phải phân biệt. Nếu y theo thân mình hiện chứng lậu tận, được biết hiện tại. Về lý, sở tri vô vi không rơi vào ba đời. Luận chủ trách diệt y cứ vào con người, nên chung cả ba đời.

2/ Y cứ vào pháp nói về lực. Trong mười lực, lực đầu tiên rất rộng, biết cả tự thể Lực thứ bảy cũng thế.

Biết bất tịnh v.v... là biết tự tướng. Biết pháp vô ngã, gọi là biết cộng tướng (khái niệm). Sức lậu tận kia thấy có trừ ám, có thể biết tự tướng chứng “không”, lậu tận, rất dễ hiểu cộng tướng, bảy thứ còn lại, biết đạo lý của mình. Mười lực cũng biết vô vi. Vì luận muốn y theo phẩm loại để phân biệt về mười lực, nên nói không chứng vô vi.

3/ Y theo con người để nói về lực, mười lực đều “duyên” tất cả hữu tình. Biết phương tiện lợi ích đối với mỗi hữu tình riêng. Pháp sư Cảnh nói ba là năng phân biệt biết về sự thể khác nhau giữa thân của các hữu tình. Nay hiểu rõ nghĩa sự của tân luận, tức lợi ích của Bản dịch xưa.

Nói nếu y cứ vào Đức Như lai phần nhiều đã an trú, thì sức trụ đối cơ của Chư Phật sẽ khác nhau

5/ Nói về tác nghiệp: trong sức nghiệp nói: Và có thể hàng phục, thí phước, di chuyển các thứ tranh luận. Pháp sư Viễn công nói hoặc chấp bố thí là có phước. Hoặc cho rằng bố thí không có phước, gọi là thí phước đời đời. Về lý, chế phục khắp tất cả tội, phước, tranh luận. Người bố thí, vì đa số nên nói riêng.

Pháp sư Cảnh nói như có một người cố ý đến lễ cây Bồ-đề, và bố thí, có người không biết lại dùng vàng bạc để mua lấy công đức bố thí của người đến lễ cây Bồ-đề kia. Lại, có người nói dù mua vẫn không được, nên xảy ra các thứ tranh luận. Nay, với sức nghiệp của Phật, hễ mình làm, mình chịu, không có việc mua bán ở đây.

Trong định lực, nói ba thần biến:

1/ Thần túc thần biến rằng hiện các thứ, khiến người khác phát

sinh niềm tin.

2/ Ký tâm thần biến, tức sự ghi nhớ của tha tâm thông, nói lên tâm niệm thiện ác của hữu tình, sao cho họ quy phục.

3/ Giáo giới thần biến, tức lậu tận thông. Tự chứng lậu tận, lại vì người khác nói để cho họ cùng chứng lậu tận.

Và, có thể hàng phục v.v..., tức dùng thần biến thần túc ở trước để hàng phục mà không tin. Thần biến của tha tâm hàng phục những kẻ kiêu hãnh, ngạo mạn. Thần biến lậu tận, hàng phục phiền não của hữu tình, trái với tranh luận, oán hại của phẩm khác.

Trong giới lực, trước, nêu sơ lược tướng của giới. Sau, nói rộng về truyền dạy. Trong phần trước rằng có thể như căn kia, nghĩa là nêu căn ở trước. Như ý lạc kia, nghĩa là nhắc lại thẳng giải trước. Như tùy miên kia, là nêu giới hạt giống trước kia.

Dựa vào sự truyền dạy không trái ngược trong môn thú nhập kia, như nên an lập. Dựa vào hữu tình kia, hoặc mới thú nhập môn Ngũ Đình Quán. Hoặc có khi thú hưởng, năm đường. Hoặc có khi thú nhập hạnh môn, kiến khác của bè bạn. Hoặc có khi thú nhập hạnh môn thánh đạo của ba thừa. Như nên an lập môn giáo thọ này, tức là hưởng đến khắp đối tượng duyên của hạnh lực, chỉ nay nói vì biết giới sai khác, nên nhân đó nói về giới.

Y cứ trong phần nói rộng, chia làm hai:

1/ Dạy Thanh văn giáo, chỉ như Địa Thanh văn.

2/ Nói về dạy Bồ-tát trong đó trước là hỏi, kế là giải thích, sau là kết.

Nghiệp ban đầu, Pháp sư Cảnh nói là mười tín.

Xưa, Pháp sư Viễn nói so lường của Đăng trì trở xuống, đều không có tượng giáo, không bằng giải thích trước. So lường có mười một:

1/ Tịnh trì giới.

2/ Được bạn lành.

3/ Giữ gìn căn môn.

4/ Ăn biết độ lượng.

5/ Hao hụt ngủ nghỉ.

6/ Có tâm thiện.

7/ Có tin hiểu.

8/ Có phần của hành giả.

9/ Có xứ giải thoát.

10/ Lìa ba chướng.

11/ Bỏ tâm chấp mắc (nói rộng như luận Thành Thật).

Nay nói rằng so lường, là gồm thâu chung mười một thứ kia. Trong giải thích có ba:

- 1/ Phát quán hạnh.
- 2/ Quán nhiếp thọ.
- 3/ Dạy không xả.

Trong phần trước, trước là phương tiện giáo, nghĩa là các Đức Như lai, cho đến ở nơi vắng lặng bên trong trở lại. Kế là, nói về quán hạnh của giáo căn bản, trong đó, trước là “quán nhân không”; sau là dạy “quán pháp không”.

Đầu tiên nói như lý tư duy về việc mà cha mẹ ông đã làm để đặt tên, cho đến ở trong đây, nói như thế, gọi là chuyển biến tư tưởng lập bày, giả đặt lời nói. Nghĩa là ông nương tựa ở cha mẹ, sư tăng vì ông đặt tên, tức tùy theo tên này, chấp có thật ngã. Ông nên tư duy vì lìa sáu xứ như nhãn v.v... có ngã chân thật của tự tánh riêng. Hoặc lìa ngoại xứ như sắc v.v... hoặc lìa cả trong, ngoài và khoảng giữa, có thể của ngã này, trong đó có ngã, như thế gọi là tướng thi thiết, giả lập lời nói chuyển biến chẳng.

Giáo quán như thế, lìa xứ trong ngoài đều không có cái tên ngã, chuyển biến ở trong đó. Ông đã tư duy đúng như thế xong, đối với pháp này phải không có sở đắc. Tư duy như thế rồi, ông phải biết rằng ngoài pháp sáu xứ này đều không có thể của ngã để được, chỉ phải như thật biết rõ như thế, chỉ đối với pháp khách, có chuyển biến tướng khách, nghĩa là Đức Phật khuyên người kia hãy biết rõ, chỉ đối với pháp nhân duyên giả có, có giả danh chuyển biến, không thật sự có ngã, nghĩa là danh tự tùy chuyển.

Dưới đây là giáo pháp không quán, trước là nhãn không; sau so với nhĩ v.v... Nếu bấy giờ đối với tên của mình, chỉ có tướng khách đã sinh, đã được, nghĩa là nêu lên cha, mẹ ở trước đặt tên cho mình, chỉ là giả danh, đã sinh, đã được, không thật có ngã.

Nói lại nên ở trong, như lý tư duy, cho đến trừ tư duy này không có, hoặc tăng, nghĩa là chế lập nhãn, hoặc là một việc. Gọi là tướng thi thiết, đều là sự sai khác của tên nhãn. Và nhãn này chỉ sự, ở trong đó giả đặt tên, tướng thi thiết là việc thứ hai, chỉ có nhãn căn y tha là sự lìa lời nói, trong đó giả đặt tên nhãn v.v... danh tự không thể bằng. Nếu tìm kiếm danh của nhãn, chấp có tự thể của nhãn thì đó là biến kế sở chấp, vì rốt ráo không có thể, nên nói là “nhãn không”.

Nói ở trong nhãn này, tất cả chế lập danh, tướng của nhãn. Nếu giả lập thì chẳng phải nhãn. Nghĩa là lại nói về danh v.v... trở xuống, đã

giải thích không có thể của nhãn. Thời nay, lại nói về danh của nhãn, vì chẳng phải nhãn, nên nói là “đã có chế lập danh của nhãn”. Tưởng của nhãn lại chẳng phải là nhãn, nói nhãn này chỉ có sự, ở trong đó giả đặt danh, tưởng v.v... của nhãn. Phải biết rằng tự tánh cũng chẳng phải nhãn, nghĩa là nhãn này chỉ có sự của lời nói kia, trong đó giả đặt danh, tưởng v.v... của nhãn. Phải biết tự tánh của danh, tự nhãn cũng chẳng phải nhãn, đây là thành lập tông.

Dưới đây, hỏi đáp để nói. Vì lý do gì? Nghĩa là vì sao tên của nhãn đã nói, chẳng phải là tự tánh của nhãn?

Chẳng phải ở trong đó, cho đến ít có nhãn giác biết mà vì có thể chuyển, nghĩa là do tìm kiếm danh, chấp nhãn, chứ chẳng phải là danh nhãn mà sinh ra giác của nhãn, nên biết là danh, không có tự tánh của nhãn. Đây là giải thích thuận.

Nếu có việc này, cho đến chỉ có chuyển giác nhãn đối với việc này, nghĩa là nếu dưới tên nhãn có thật thể của nhãn, xứng với danh nhãn thì chỉ “duyên” thể nhãn, lẽ ra sinh giác nhãn, cần gì phải đợi danh nhãn, mới sinh giác.

Nhưng không có như thế, cho đến nhãn giả đặt ra, nghĩa là khác cũng là giả. Cho nên trong đây chỉ ở trong lý giả đặt pháp tướng, giả đặt ra tưởng lập bày tên nhãn, không có tự tánh của nhãn của đối tượng giải thích riêng.

Ông đã như thế, cho đến “sẽ được”, nghĩa là ông đã tư duy nhãn nội biết không, lẽ ra tư duy danh của nhãn chỉ là giả đặt, sẽ sinh, sẽ được.

Ở trên, nói về “nhãn không”, dưới đây, so với nhĩ v.v...

Như đối với nhãn kia, như thế cho đến chỉ có tưởng khách sẽ sinh, sẽ được, nghĩa là dùng nhãn so với nhĩ v.v..., tùy theo tánh của lời nói, rốt ráo không có tự thể. Lại, y cứ thấy, nghe, hay biết, tùy tầm từ kia, chấp các pháp, phải biết chỉ có giả danh sẽ sinh, sẽ được, không có thật thể.

Kế là, nói về hạnh quán ở trước khuyên nhiếp thọ người kia. Như thế, cho đến đạt được một tánh cảnh của tâm không trái ngược. Dưới đây là thứ ba, khuyên đừng bỏ là.

Như thế, các ông cho đến rốt ráo xuất ly, phải biết trở xuống, là thứ ba, kết. Văn có ba:

1/ Chính kết danh.

2/ Nói cả ba đời, đức Như lai đều giả đặt.

3/ Nếu hàng Thanh văn giác biết quán này, thì sẽ nhanh chóng

được thông tuệ.

Nếu người nào có thể đối với quán này, như thật thấu suốt, hoặc quán “nhân không”, thì sẽ được nhập các pháp hiện quán của khổ nhân. Nếu người nào có thể hồi tâm song quán “hai không”, thì có thể đạt được hiện quán của Sơ địa.

Trong thu hưởng khắp lực hạnh, nói rằng hạnh hay xuất ly, nghĩa là năm độ quán v.v... Hạnh không xuất ly, nghĩa là hạnh thú hưởng năm đường v.v....

Nói theo thứ lớp có ba:

1/ Trong nói thứ lớp nói rằng với sự truyền dạy đó, khiến cho hữu tình kia thu hưởng thế gian lìa dục, giúp chúng đạt được đạo như thật. Pháp sư Cảnh nói vì tính lực của thế tục không điên đảo, nên gọi là đạo như thật.

Có giải thích: Đạo như thật là đạo xuất thế gian, nên kinh Hoa Nghiêm chép: vì chúng sinh cõi Sắc, nói là đạo xuất thế. bản dịch xưa nói: - Dùng thiền giải thoát, trí lực tam-muội chánh thọ, trước, đạo thế tục giáo hóa tâm chúng sinh lìa dục. Kế là khởi trí lực túc trụ tùy niệm, cho đến tịnh tu xong, nghĩa là nêu lực hạnh thu hưởng khắp thứ bảy ở trước, khiến hữu tình kia tu gia hạnh thích đáng sau khi thú nhập môn, gồm thâm trụ tâm xong, tịnh tu hạnh xong.

Nói “vì nói Trung đạo, cho đến sẽ dứt chấp, do sức túc trụ, biết nhân duyên quá khứ của hữu tình kia, khiến chúng lìa thường kiến. Trí lực của sinh tử, biết hữu tình kia, trong vị lai sẽ thọ thân sau, khiến chúng lìa đoạn kiến.”

Nói “vì khiến hữu tình dứt hẳn phiền não, từ đây về sau, khởi trí lực lậu tận”, nghĩa là khởi sức lậu tận vì hữu tình kia nói pháp, giúp cho chúng dứt hết lậu.

Nói “nếu có cho đến khởi không mà làm” tác giả: nghĩa là khởi tạo nên việc thiện, không tạo ra phiền não.”

Nói “tăng thượng mạn”, nghĩa là khiến hữu tình kia lìa bỏ tăng thượng mạn này, nghĩa là chưa hết các lậu mà cho là đã hết các lậu. Người tăng thượng mạn, do sức lậu tận, khiến hữu tình kia bỏ ngạo mạn.

2. Theo thứ lớp nói rằng khắp trong tất cả pháp duyên sinh, trí trụ quán sát pháp mầu nhiệm hơn hết, nghĩa là trí lực xứ, phi xứ, biết quả ái, phi ái, trụ trong nhân thiện ác, nên nói là trí trụ pháp mầu nhiệm.

Kế là, khởi sức nghiệp, quán phần tại gia, cho đến tu chứng sai khác, nghĩa là trí lực của nghiệp mình, biết người tại gia lúc đã đang, sẽ

tu nhân, chứng quả khác nhau.

Quán sát về phần tại gia như thế xong, cho đến quán chiếu như thật tất cả thế gian, nghĩa là quán sức nghiệp của phần tại gia xong, khởi trí lực giải thoát của tĩn lực, quán các tĩn lực, gọi là quán xuất gia. Dùng định cõi sắc để xa lìa năm dục, gọi là xuất gia, nghĩa là quán tĩn hữu lậu cõi Sắc đều chẳng phải là đạo xuất ly khổ. Biết các thế gian không có ai cứu vớt, không có ai để quy thú, do đại bi, dùng Phật nhãn kia quán chiếu thế gian. Đã quán chiếu xong, cho đến tâm người kia thú nhập, nghĩa là kế là, khởi căn, lực hiện ở trước biết rồi, tức là đối với pháp đã nói, tâm họ thú nhập thức, căn truyền trao pháp, khiến tâm họ thú nhập.

Kế là, lại như trước, những thứ sự thắng giải, trí lực v.v... nghĩa là từ căn, lực trước, sau khởi thắng giải, lực v.v... theo thứ lớp như trước.

3. Theo thứ lớp nói rằng quán sát tất cả pháp giới duyên sinh, nghĩa là lực đầu tiên biết nhân, quả của ba tánh kia, gọi là pháp giới duyên sinh, tức biết pháp giới vô lượng trong năm vô lượng.

Kế là, khởi nghiệp lực cho đến các quả, nghĩa là sức nghiệp biết các pháp duyên sinh kia giả lập hữu tình mình làm, mình chịu, tức biết vô lượng cõi hữu tình.

Quán sát thật, cho đến “mà truyền dạy cho hữu tình”, kế là, khởi định lực, đã truyền dạy xong, kế là khởi các lực lại v.v..., nghĩa là khởi bầy lực sau, chẳng khác với lực trước.

Nói về sự khác nhau, cũng có sai khác, cũng không sai khác. Pháp sư Cơ nói rằng như xứ, phi xứ với nghiệp của mình, do quán nhân thiện, bất thiện, nên gọi là không có sai khác, chỉ quán nghiệp thiện, bất thiện có thể cảm quả ái, phi ái là xứ, phi xứ, tự tạo ra nghiệp thiện, tự thọ lãnh báo thiện, gọi là sức nghiệp của mình, nên có sai khác. Pháp khác ở dưới y cứ theo đây nên biết. Pháp sư Cảnh nói lực đầu tiên là nghiệp thiện, ác được quả ái, phi ái, đây là biết trực tiếp nhân quả. Sức nghiệp biết cả người giả, tạo nghiệp, thọ quả. Vì biết người giả, nên không đồng với lực ban đầu, cũng có khác nhau, đồng biết quả nghiệp cũng không có sai khác.

Thứ hai đối với thứ ba, biết con người giả kia, chủ thể tu ý lạc tĩn lực, tức người ấy có thể nhập, là do sức nghiệp. Nếu biết tức dựa vào tĩn lực, hiện chi ba thiện, giáo hóa, truyền trao cho hữu tình nhờ sức tĩn lực.

Thứ ba, đối với thứ tư, lấy “định câu sinh” tĩn v.v... kia, nhất định là năng lực của tĩn lực. Nếu phân biệt đúng căn duyên trung, thượng

thì gọi là căn lực.

Thứ tư đối với thứ năm, nghĩa là nếu do các căn lấy ý lạc kia, thì đây là do căn lực. Nếu phân biệt đúng sự sai khác của ý lạc, do sức thắng giải, thì do thắng giải này phân biệt sáu thứ ý lạc. Hai thứ đầu, một cặp, nghĩa là không xuất ly và xuất ly. Hai thứ kế là, một cặp thanh tịnh xa gần. Hai thứ sau, một cặp là hiện được Niết-bàn, sẽ được Niết-bàn.

Thứ năm, đối với thứ sáu, nếu biết thắng giải huân tập thành tự loại, thì giống với hạt giống do sức thắng giải. Nếu chính soi rọi lấy hạt giống khác nhau thì đây là do sức giới, nhân nói hạt giống có bốn.

Thứ sáu đối với thứ bảy, nếu biết các loại giới mà khởi lên dấu ấn hạnh thú nhập, thì đây là do sức giới. Nếu chính phân biệt dấu ấn hạnh, thì thú nhập sẽ do biến hành hưởng đến trí lực.

Thứ bảy đối với thứ tám, biết tất cả nhân thú năm thú như năm dừng, năm đường v.v... mé ở trước, đều do trí lực hiện hành khắp thu hưởng. Nếu biết tám lời nói, câu của mé trước, thì sáu hạnh lược qua sẽ do sức túc trụ.

Thứ tám đối với thứ chín, biết dựa vào mé trước, trước tạo ra các nghiệp, nên khiến sinh tử mé sau của hữu tình do sức túc trụ. Nếu quán chính đáng sẽ thấy sự sinh của mé sau do sức sinh tử.

Thứ chín, đối với thứ mười. Nếu biết hữu tình tự dứt trừ sự lậu, vì chưa được rốt ráo, nên thọ sinh nối tiếp nhau ở mé sau, do trí lực sinh, tử.

Nếu biết hữu tình tự dứt trừ sự lậu xong, sẽ được tâm rốt ráo, khéo giải thoát, hiện được Niết-bàn, do sức lậu dứt hết.

Nói trời “Na-la-diên”, Thối Pháp sư cho rằng: Hán dịch là lực trắng. Vì trời có sức Na-la-diên, nên nói là trời Na-la-diên.

Có giải thích: Ma-hê-thủ-la, gọi là Đại tự tại phạm thiên. Tổ công, gọi là Na la diên. Phạm vương, gọi là Phạm thế.

Trong bốn vô úy, chia văn làm năm:

- 1/ Nêu chung, chỉ cho kinh.
- 2/ Chia ra bốn thứ.
- 3/ Đối vận hỏi, nói về tướng.
- 4/ Lập lý do.
- 5/ Giáo khởi nhân duyên.

Trong phần nêu bốn thứ: trước, nói chung về bốn xứ, Đức Phật tự khen ngợi. Sau, nêu riêng bốn xứ, nghĩa là tự khen rằng: - Ta đã biết chướng dứt trừ, đối với tất cả pháp, giác biết rõ hiện ở trước, tức trí

nất thiết, vô úy, không chung với Nhị thừa. Dứt trừ chướng phiền não, chứng đắc lậu tận, đây là chung với Nhị thừa, tức lậu tận, vô úy.

Vì mong cầu thoát khổ, là nói đạo, có công năng xuất ly khổ, nên phải tu tập, tức hướng về thánh đạo xuất ly khổ ở trước, có các pháp chướng, khuyến khích xa lìa.

Trong đối với vấn đề nói, ở hai xứ trước mà khởi vấn đề hỏi rằng: - Đức Phật ở trước tự nói “Ta có Trí nhất thiết, như đệ tử mình an cư hạ xong, từ các nơi đến mà đặt ra câu hỏi rằng “Ông đồng trụ có yên vui không? Khất thực có được dễ dàng không?” Ở đây, vì không biết nên hỏi, không có Trí nhất thiết. Lại tự khen “Các lậu của ta đã hết, mà vẫn dùng ái ngữ đối với La-hầu, giống như có người thương con mình, quở mắng Đề-bà, dường như có sân hận. Đã có ái, giận dữ, là biết lậu chưa hết.

Hai thứ trước này, vấn đề chê bai thân Phật. Ở hai chỗ sau mà khởi vấn đề hỏi: “Thuyết thứ ba trước nói đạo có công năng xuất ly khổ, như A-la-hán được đạo đầy đủ, mà có các nỗi khổ bị rấn cắn, bệnh tật v.v... Phải biết đạo không xuất ly khổ.

Thuyết thứ tư ở trước nói Niết-bàn chướng đạo, như người chứng quả Dự lưu đã đắc đạo nhưng, vẫn yêu vợ con v.v..., thêm nhuế, mỗi mệt v.v... Phải biết rằng phiền não không che lấp thánh đạo, nên nói rằng trước sau trái nhau, rơi vào trạng thái phi lý mà khởi vấn đề chê bai, cho rằng đối với thế gian trở xuống, là vấn đề chung về vô úy. Trước là nói chung về ý. Đức Phật đối với thế gian có kiến minh, kiến vô minh, có trí tha tâm, không có trí tha tâm. Các đại chúng ở trước đối với chỗ tự khen ngợi này, có thể vì đối trị đạo lý đều không chân thật trong các vấn đề chê bai, có thể làm tướng mạo của vấn đề. Cho nên nói đều không thấy có tướng của nhân chân thật. Kế là giải thích riêng bốn nạn, như giải thích nạn đầu rằng:

Thầy trò kiết hạ riêng, nay đến tham vấn ta, đã cần an ủi, hỏi han, chứ chẳng phải cho rằng vì không biết mới hỏi người kia.

Giải thích vấn đề thứ hai. Chúng sinh nhập đạo, nhờ các thứ duyên. Đề bà vì ngang bướng, nên cần phải dùng lời lẽ thô nhằm điều phục ông ta, chứ thật ra chẳng phải sân nhuế. Vì điều thiện cho La hầu, nên cần nhuyễn ngữ để giáo hóa, thật sự chẳng phải kiết ái.

Giải thích vấn đề thứ ba, đạo La hán, lậu dứt hết, chưa sinh khổ, rốt ráo không bệnh khổ của hiện thân, trong trường hợp đền trả cho nghiệp trước, vẫn phải cam chịu khổ.

Giải thích vấn đề thứ tư, phiền não che lấp đạo có hai thứ, nghĩa



là phiền não của kiến đạo, che lấp kiến đạo, phiền não của tu đạo, che lấp tu đạo. Sơ quả đã được kiến đạo, phiền não của kiến đạo rốt ráo không hiện hành. Chưa đủ tu đạo, cho nên vẫn khởi tâm yêu vợ con v.v...

Kế là nói về lập bốn lý do. Vì sao vô úy chỉ lập bốn thứ?

Đáp: Nếu tùy theo đối tượng trị sợ hãi vô lượng, chủ thể trị vô úy cũng có vô lượng. Nay tùy trí đoạn của mình, người mà khởi vấn hỏi, vì chung cho vấn hỏi kia, nên đại khái nói bốn. Hai vô úy trước trong đây chung cho hai vấn hỏi ở trước, tức là tự đặt tên là lợi mình; hai vô úy sau chung cho hai vấn hỏi sau, là yên đệ tử, gọi là lợi người.

Kế là nói về nhân duyên khởi giáo. Trong đây, nếu đức Như lai tự khen ngợi: Nay, ta hiện giác biết các pháp, nên thành Chánh giác. Phải biết rằng vì hướng dẫn Bồ-tát để cho Bồ-tát thu hưởng đạo. Nếu tự khen tất cả lậu dứt hết là vì dẫn dắt người tánh Nhị thừa, để họ thu hưởng chứng. Nếu lại khen ngợi đạo có công năng xuất ly phiền não che lấp đạo. Phải biết rằng vì dẫn dắt các hữu tình đồng hướng đến ba thừa.

Hỏi: Nếu Đức Phật khen ngợi đạo có công năng ra khỏi phiền não khổ chướng đạo, dẫn dắt hữu tình đồng thu hưởng ba thừa. Vì sao trong Đại thừa chỉ nói vì Bồ-tát, không nói vì chướng của Thanh văn ư? Trong kinh Tiểu thừa chỉ nói là vì Nhị thừa nói, không nói vì Bồ-tát ư?

Vì đã thông vấn hỏi này, nên ý giải thích rằng: Đức Như lai đã nói trong nghĩa, câu kinh của Đại thừa Tiểu thừa nhất nhất đều nói vì ba thừa nói hai vô úy sau, mà người kiết tập lại trừ Bồ-tát nói trong tạng Thanh văn, trừ lời nói của Thanh văn trong tạng Bồ-tát.

Trong ba niệm trụ, ý cho rằng trong suốt đêm dài, Đức Phật muốn cho hữu tình, thuận theo trụ trong ba tạng giáo mà ta đã nói, nhưng các hữu tình có thuận, không thuận, là tức tâm Phật có thỏa, không thỏa, bất sinh tạp nhiễm, tham, sân, vô minh. Đây là chỉ y cứ lúc người khác ngự trị chúng, Như lai mong muốn có thỏa, không thỏa, bất sinh tạp nhiễm. Lại, do ba chúng khác nhau kiến lập. Nếu hoàn toàn chúng kia đồng thời giáo hóa, khởi tà hạnh không lo, nếu một phần trong chúng kia là chánh hạnh, một phần là tà hạnh, không đều sinh lo mừng, thì chỉ trụ ở xả.

Trong pháp không quên mất, thường tùy ghi nhớ, hoặc sự v.v... Pháp sư Cảnh nói thông thường có mong cầu tạo ra việc làm căn bản, gọi là sự, hoặc nơi chốn, tức là nơi chốn, phương hướng đã đi qua. Nếu như nghĩa là phương tiện tác nghiệp, như căn bản kia. “Nếu thời gian” (có lúc), nghĩa là thông thường thời gian đã đi qua, đều không quên mất.

Tâm oai nghi v.v... của A-la-hán, cũng kèm theo phiền não không điều phục, nhu thuận, đã khởi thân, ngữ, đôi khi mất chỗ. Pháp sư Khuy Cơ nói “nếu như”, nghĩa là tức tùy phương tiện được thích nghi lúc giáo hóa chúng sinh, thuận với lý, nên gọi là Như. Lại, tức phương tiện như thế, nên gọi là “như”. Trong nhất thiết chủng trí mâu nhiệm. Pháp sư Cảnh nói nghĩa là biết rõ pháp bất thiện, vô ký, chọn lựa, lìa bỏ, gọi là trí nhất thiết chủng. Biết rõ pháp thiện, vì người khác giảng nói, gọi là diệu trí của Như lai. Pháp sư Khuy Cơ nói nếu đối với pháp bất thiện, vô ký, không có trí điên đảo, biết mà không làm là trí nhất thiết chủng. Nếu biết điều thiện mà làm, thì gọi là diệu trí. Trước giống với Trí hậu đắc sau, nói là chánh trí, kỳ thật trí vô phân biệt không quán các pháp như bất thiện v.v..., chỉ thực hành quán thiện, nên chỉ là Diệu trí, Trí hậu đắc kia là Nhất thiết diệu trí chủng. Lại hai thứ Trí hậu đắc đều có chánh trí là không đúng.

Trên đây, là giải thích mười một thứ công đức. Dưới đây là nói chung. Nói chung có bốn:

1/ Nói về địa vị thành tựu viên mãn mười một công đức.

2/ Dùng trí tuệ của Bồ-tát thành mãn sau cùng, đối với Phật để nói.

3/ Nói về mười một công đức vì mười việc lợi ích.

4/ Kết, kiến lập công đức và không chung.

Trong phần trước nói rằng: Như thế, tất cả gọi là chung là một trăm bốn mươi thứ Phật pháp không chung của Như lai: là giải thích xong, tổng kết.

Dưới đây, là nói về địa vị viên mãn.

Nói “tức thiện, thanh tịnh cùng cực ở trong đây”, nghĩa là y theo tướng tốt của thân biến hóa của Bồ-tát thành mãn, nghĩa là từ trời Đổ-sử-đa, giáng sinh xuống loài người với tướng tốt rất thiện, thanh tịnh.

Nếu lúc bấy giờ, cho đến định Kim Cương dụ, nghĩa là sau thập địa, chứng định Kim Cương dụ, so lường cùng cực viên mãn. Bấy giờ, nếu vì không có thầy, tự tu pháp Bồ-đề phần thì từ vô gián này cho đến đều vì vô thượng, đây là y theo chỗ thành tựu viên mãn mà nói là Đức Phật đốn đắc. Về lý, thật sự các đức từ Sơ Địa trở lên, tức được dần, cho đến địa vị Phật mới viên mãn. Dựa vào phát ngộ, đến chứng nhập tất cả công hạnh của Như lai, địa Như lai. Pháp sư Cảnh nói tâm ý trôi lăn không dừng, như dụ xe, pháp, đều nêu danh làm ý xa, ý xa của Phật viên mãn, vượt qua các Bồ-tát.

Pháp sư Khuy Cơ nói do ý nghiệp có thể có nghĩa vận tải, điều

hòa, nên thí dụ ở xe.

1. Trong phần nói về sự khác nhau có tám dụ, năm dụ trước và dụ thứ tám, nói về trí sai khác.

2. Nói về thân; thứ bảy, là nói về tâm sai khác, nên đoạn kết sau nói rằng diệu trí, thân tâm có rất nhiều sự khác nhau.

3. Nói về mười một đức có thể tạo nên mười thứ sự nghiệp của Như lai, do kết hợp tướng tốt làm một sự nghiệp, nên chỉ có mười.

Nói “do ở trước đã nói cho đến bốn vô sở úy đã có thể thành xong”, ở đây giải thích việc thứ tự, đối với bốn vấn hỏi ở trước, như thứ lớp thấy biết, hiểu rõ, nên có thể đáp bốn câu hỏi. Cũng có thể giải thích đối với mỗi vấn hỏi đều thấy biết, hiểu rõ.

Thứ tư, kết kiến lập và không chung. Dựa vào đây, trụ ở đây, nghĩa là Bồ-tát dựa vào công đức của Phật này, vì kính mến tu, học, nên gọi là dựa vào đây. Trụ ở nhân hạnh của Phật vì mong cầu đức của Phật, nên gọi là trụ nơi đây. Dưới đây, là nói về không chung có hai nghĩa:

1/ Với bốn pháp như đại bi v.v..., vì Nhị thừa đều không có phần nhỏ giống nhau, nên nói không chung.

2/ Đức khác dù có phần được giống nhau, nhưng vì đều không viên mãn nên nói không chung.

Phẩm trên đây, chính là nói về đức của Phật địa xong.

Dưới đây là kết chung Bồ-tát địa đã nói học đạo và quả, trong đó, 1/ Kết địa này, nói đủ nhân quả là chỗ nương tựa của giáo. 2/ Giải thích danh hiệu của địa. 3/ Khen luận, khuyên thọ trì.

Trong phần trước, chỉ bày rõ đạo và quả, gọi là Bồ-tát địa. Pháp sư Cảnh có hai giải thích:

1/ Bồ-tát địa ở trước, đầu tiên nêu mười pháp, trì học chỉ cho nhân, kiến lập thứ mười chỉ cho quả, pháp khác có cả nhân và quả.

2/ Phẩm Kiến lập chỉ có quả, còn vị và địa thì có cả nhân, quả, ngoài ra chỉ là nhân.

Pháp sư Khuy Cơ nói đạo học là trí, quả là cảnh Như. Lại, địa trước hữu vi, gọi là đạo học; địa sau có vô vi, gọi là quả của đạo học. Nói đủ cho đến thật y xứ (chỗ nương tựa thật). Vừa rồi nói về đạo học và quả là chỗ nương tựa chân thật của Nhất thiết chủng Bồ-tát tạng giáo.

Kế là, giải thích về địa Bồ-tát có rất nhiều danh, nghĩa là địa này được gọi là Bản mẫu Bồ-tát tạng, do gồm thấu đủ nghĩa, nhân, quả của Đại thừa, nên cũng gọi là Nhiếp Đại thừa. Phiền não nghiệp, khổ, gọi là con đường hư hoại, xuất thế đối trị, gọi là con đường không hư hoại.

Dưới đây là khen luận, khuyến thọ trì, nghĩa là nếu các người trời đối với địa Bồ-tát tin, hiểu, thọ trì rộng vì người nói, đạt được nhóm phước, như Đức Phật nói Bồ-tát tạng giáo ưa nghe, thọ trì, khai thị, khen ngợi, được phước không khác. Vì sao? Vì Bồ-tát phân biệt, chỉ bày rõ Phật nói kinh Bồ-tát tạng. Tiêu biểu sơ lược, giải thích rộng, vì giúp cho người khác được hiểu rõ. Lại, do Bồ-tát địa khai thị ba tạng, khiến cho đa số hữu tình thọ trì, đọc tụng, như lời Phật nói tu hành trải qua nhiều thời gian, pháp tương tự không hưng thịnh, chánh pháp không diệt. Nếu bấy giờ, pháp tương tự hưng thịnh có thể dẫn phát lợi ích chân thật thì chánh pháp sẽ diệt nhanh chóng, cho nên thọ trì Bồ-tát địa sẽ được vô lượng phước.

Xưa, Pháp sư Viễn Công nói đại khái có chín người được công đức lớn: 1/ Tín; 2/ Hiểu; 3/ Ưa nghe; 4/ Thọ trì; 5/ Tu học; 6/ Ghi chép; 7/ Cúng dường; 8/ Cung kính; 9/ Sâu nặng.

Phước của chín người này với nghiệp ưa nghe của Bồ-tát Thập Tín trong Hoa Nghiêm, nói rộng công đức của Thập Địa không khác.

Bồ-tát Thập Tín kia có công đức gì ngang bằng với công đức của Bồ-tát Thập địa kia, nghĩa là như kinh Hoa Nghiêm nói như đấng Nhất thiết Trí nhóm họp các công đức. Phẩm Nhất Thiết Trí Công Đức Môn cũng giống như thế, nếu người nghe thì công đức cũng thế.

Đại ý đoạn văn kia nói như Phật địa nhóm họp công đức vô biên. Công đức pháp môn của Thập địa đồng với Phật. Có người nghe, thì công đức đồng với địa, cũng tức đồng với Phật.

a. Trì thứ lớp Du-già xứ: trong Bồ-tát địa có bốn Du-già xứ, trong Du-già đầu tiên, nói về chủng tánh, phát tâm và phương tiện hạnh kết hợp có mười tám phẩm, là pháp sở học.

b. Tùy pháp Du-già nói về hạnh của chủ thể học, nghĩa là bốn phẩm kia nói là hạnh ý lạc trụ của phần tướng.

c. Cứu cánh Du-già: là hạnh thành tựu được quả, là quả của Du-già. Có năm phẩm, đó là: Sinh, Nhiếp, Địa, Hạnh và Kiến lập. Nay, Trì thứ tư lại không có khác, chỉ nói về hai mươi bảy phẩm ở trước và pháp môn trong phẩm Bồ-tát, theo thứ lớp trước, sau, cho nên nói là thứ lớp Du-già xứ của Trì thứ tư.

Trong văn gồm có: 1/ Kết trước, hỏi sau; 2/ Chính nói về thứ lớp; 3/ Tổng kết.

Y cứ trong chính nói, nói các Bồ-tát trước phải an trụ chủng tánh Bồ-tát mới có thể phát tâm Bồ-đề, tức kết phẩm chủng tánh và phẩm phát tâm, đã phát tâm rồi, mới tu hành đúng, lợi mình, lợi người. Đây là

kết hạnh phương tiện, phẩm Trì nội tự tha lợi, đối với lợi mình, lợi người, lúc tu hành chân chính, được phương tiện không có tạp nhiễm, nên được phương tiện không có nhàm chán, mỗi một, nghĩa là kết oai lực, vì trong phẩm này nói về cầu các thần thông nên được không có nhàm chán, mỗi một. Vì không có nhàm chán, mỗi một, nên được phương tiện tăng trưởng của các căn lành, nghĩa là kết phẩm Thành thực.

“Được tăng trưởng rồi có thể chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề”, kết phẩm Vô thượng Bồ-đề. Đây là kết hạnh phương tiện trì, bảy pháp của năm phẩm. Lại, trong gia hạnh lợi mình, người như thế, cho đến được đại Bồ-tát, là nhắc lại năm phẩm đã kết ở trước.

Khi sắp tu hành, trước là đối với chánh pháp rộng lớn rất sâu, an lập tín hiệu v.v..., đây là kết phẩm Lực Chứng Tánh của phương pháp học, trong phẩm đó có sáu pháp:

- 1/ Thắng giải.
- 2/ Cầu pháp.
- 3/ Nói cho người nghe.
- 4/ Pháp tùy, pháp hạnh.
- 5/ Tám thứ giáo thọ.
- 6/ Phương tiện nhiếp ba nghiệp.

Nay nói tín, hiểu, nghĩa là kết thắng giải thứ nhất, hỏi cầu chánh pháp, đây là kết cầu chánh pháp thứ hai.

Rộng vì người khác, là kết thứ ba, nói cho người nghe, cũng đối với chánh hạnh, tự có thể thành xong, là kết thứ tư, pháp tùy pháp hạnh. Lúc thành xong, nếu do đây, đối với người này, vì người này, nên thực hành, đây là kết thứ năm, tám thứ giáo thọ, sáu thứ dạy răn. Trong giáo thọ, nói là hoặc do Bồ-tát, hoặc do Chư Phật mà có thể giáo hóa, truyền trao, nên nói “do đây”. Đến khi giáo hóa, truyền trao, trước phải xem xét về tâm căn, tánh dục của người kia, nên nói “đối với người này”. Đã biết căn cơ rồi, dạy tu năm pháp quán dừng tâm, trị bệnh tăng riêng, nên nói “vì người này”.

Nói “tức do đây, đối với người này, vì người này mà thực hành” là kết ba nghiệp thuộc về phương tiện thứ sáu kia. Trên đây, là sáu câu tổng kết về phẩm Lực chứng tánh.

Do đây, đối với người này, vì người này, lúc thực hành, như khiến cho phước đức, trí tuệ tăng thượng, đối tượng nên thực hành, tức là công hạnh như thế, kết phẩm sáu ba la mật. Phước đức, trí tuệ đã tăng trưởng rồi, đối với phương tiện không lìa bỏ sinh tử, có thể tu hành chân chính, là tổng kết phẩm Tứ nhiếp và phẩm Cúng dường, gần gũi vô lượng.

Tức ở trong đây, cho đến chánh hạnh viên mãn, đây là kết phẩm Bồ-đề phần pháp. Trong phẩm đó có hai bài tụng, nói chung về mười lăm pháp môn. Bài tụng đầu, có chín tụng; tụng sau, có sáu tụng. Tụng kia nói giữ lấy sức vững chắc tâm, quý, thế trí không nhằm chán biện luận, chính thức nương tựa vô ngại giải. Bồ-đề phần so lường, phương tiện khéo léo của tánh chỉ quán. Chánh nguyện của Đà-la-ni Tam-ma-địa có ba pháp, ốt đà nam có bốn pháp. Nay nói tức ở trong đây, chính lúc thức tu hành, có thể thực hành hạnh sinh tử không có tạp nhiễm, là kết tâm quý ban đầu, tức tu hành chân chính ở trong đây có thể đối với mình, ưa thực hành công hạnh không chấp mắc, đây là kết tánh gìn giữ sức mạnh bền chắc thứ hai.

Tức ở trong đây, cho đến công hạnh không có nhằm chán mỗi mệt, đây là kết tâm thứ ba, không có nhằm chán mỗi mệt. Do không có nhằm chán, mỗi mệt đối với sinh tử, cho đến được không còn sự sợ hãi, đây là kết khéo biết luận khác thứ tư.

Nói “khéo biết luận rồi, cho đến khéo biết thế gian”, đây là kết khéo biết thế gian thứ năm. Như thế, Bồ-tát đến phỏng vấn, hết lòng cầu xin chánh pháp, đây là kết thứ sáu. Bốn y như y pháp, không y nhân v.v... Đã phỏng vấn, tham cầu xong, với khả năng có thể dứt trừ tất cả “ngghi ngờ” của tất cả hữu tình, đây là kết bốn vô ngại giải thứ bảy.

Như thế, khả năng có thể dứt trừ “ngghi, ngờ” của người, cho đến dần dần được viên mãn, đây là kết so lường thứ tám.

Đã viên mãn rồi, cho đến có thể siêng năng tu hành, đây là kết pháp Bồ-đề phần thứ chín.

Đối với tu phương tiện, có khả năng rõ cho đúng, đây là kết chỉ, quán thứ mười, tức giữ gìn chánh cần như thế mà tu hồi hướng Đại thừa, không cầu quả Niết-bàn của Nhị thừa, đây là kết phương tiện khéo của mười một tánh.

Đã được như thế, cho đến đà-la-ni vô ngại biện tài viên mãn, đây là kết đà la ni thứ mười hai, và chánh nguyện thứ mười ba.

Lại, giải thích đại khái, không kết chánh nguyện, vì muốn dứt trừ vĩnh viễn tất cả chướng, nên tinh tấn siêng năng, tu tập ba môn giải thoát, đây là kết mười bốn Tam-ma-địa.

Tức ở trong đây cho đến chánh hạnh viên mãn, nghĩa là bốn Ốt-đà-nam thứ mười lăm của pháp này, cũng gọi là bốn pháp, tức Trên đây, đã kết phẩm Bồ-đề phần xong.

Dưới đây là kết phẩm Công đức có hai mươi lăm pháp, trong đó có năm bài tụng: bài tụng đầu, tụng về bảy pháp; tụng thứ hai, tụng về

bốn pháp; tụng thứ ba, tụng năm pháp. Sau có hai bài tụng, tụng về chín pháp.

Như thế, chánh hạnh được viên mãn xong, đối với tất cả hữu tình và Thanh văn, Độc giác, đều là thù thắng: sắp muốn kết thúc hai mươi lăm pháp sau, trước nhắc lại khen thù thắng ở trước, chia ra hai chương môn, cái gọi là công đức thù thắng của chánh hạnh, nghĩa là nêu chung bảy pháp của kệ đầu, để làm chánh hạnh, là một chương môn.

Và có thể khen ngợi công đức thù thắng, nghĩa là nêu chung mười tám pháp của bốn bài tụng, sau gọi là đáng khen ngợi, là môn chương thứ hai, nên bài tụng đầu nói rằng:

Ít có, không ít có.

Tâm bình đẳng, đem lại nhiều lợi ích.

Trả ơn và vui khen.

Tánh gia hạnh không dối.

Nay, ở đây, chia ra nêu chương. Trước kết bảy pháp của bài tụng đầu.

Nói “phải biết công đức thù thắng của chánh hạnh trong đây, nghĩa là nhắc lại chương đầu.

Bồ-tát vì lợi mình, lợi người nên siêng tu chánh hạnh, gọi là ít có. Dùng sự nghiệp lợi người để làm sự nghiệp của mình, gọi là không hiếm lạ. Hàng Nhị thừa thì không như thế, đây là hai việc ít lạ, không ít lạ đầu trong kết thứ bảy.

Do các Bồ-tát v.v... trở xuống, đây là kết tâm bình đẳng thứ ba.

Do khởi như thế, cho đến “thường thí cho ân tuệ”, đây là kết lợi ích hữu tình thứ tư. Không mong hữu tình trả ơn, đây là kết báo ơn thứ năm.

Bồ-tát như thế, cho đến “muốn cho hữu tình kia được lợi ích yên vui”, đây là kết hân hoan khen ngợi thứ sáu.

Do ý ưa lợi ích yên vui thường khởi lên gia hạnh không giả dối. Đây là kết gia hạnh không giả dối thứ bảy.

Phải biết rằng ở đây gọi là lần lượt dẫn phát công đức thù thắng của chánh hạnh, là kết chương đầu. Phải biết rằng khen ngợi công đức thù thắng trong đây, nghĩa là sắp kết môn sau, nên nêu ra chương ba.

Bồ-tát ở chỗ Chư Phật đã được thọ ký, chứ chẳng phải các hàng Nhị thừa v.v..., nghĩa là ở đây khởi bài tụng thứ hai, trước kết tụng thứ ba, do trước hết nhờ ghi nhận, rồi mới khởi hạnh. Vì nghĩa này, nên trước kết tụng thứ ba. Trong bài tụng thứ ba có năm pháp, nên các Bồ-tát thọ ký trong bài tụng kia, rơi vào quyết định, nhất định là thường nên

làm, hơn hết là sau hết.

Nay nói ở chỗ Chư Phật, Bồ-tát đã được thọ ký chứ chẳng phải hàng Nhị thừa, đây là kết sáu thứ thọ ký thứ nhất.

Được thọ ký xong, tức là chủ thể an trụ địa không lui sụt, đây là kết thứ hai rơi vào quyết định.

Thọ ký có ba:

1/ Chủng tánh rơi vào quyết định.

2/ Phát tâm rơi vào quyết định.

3/ Tu hành không giả dối, rơi vào quyết định.

Nói an trụ trong đây, có thể đã tạo nên đối với tất cả việc làm quyết định, đây là kết việc làm quyết định thứ ba. Việc làm quyết định, thuyết đó có năm:

1/ Quyết định phát tâm.

2/ Thương xót.

3/ Tinh tấn Tu tập.

4/ Tu tập phương tiện minh xứ.

5/ Không có nhàm chán mệt mỏi.

Việc làm thường xuyên, đạt được pháp vững chắc không quên mất, đây là kết thứ tư, luôn thường xuyên làm việc.

Vững chắc như thế, cho đến việc nêu bày trên hết, đây là kết hơn hết thứ năm là sau cùng.

Dưới đây là kết bốn pháp trong bài tụng thứ hai, nên bài tụng kia nói rằng:

*Gia hạnh không điên đảo,  
Thối đọa và thắng tiến,  
Dường như công đức thật,  
Khéo điều phục hữu tình.*

Nay nói rằng khắp tất cả việc nên làm, có thể không có lui mất, đây là kết gia hạnh không có điên đảo thứ nhất.

Đối với chưa được lui sụt, cho đến như ánh sáng chia mặt trăng, đây là kết thắng tấn thứ hai.

Do các pháp thiện vì chuyển biến tăng trưởng, nên cuối cùng không gọi là giống nhau, đây là kết công đức chân thật thứ ba.

Nói “do được danh hiệu Bồ-tát chân thật, cho đến biết rõ như thật”, đây là kết khéo điều phục hữu tình thứ tư. Trong bài tụng dù có lui sụt sa đọa và hai môn giống nhau, nhưng vì chẳng phải công đức, nên luận gia không kết.

Từ đây trở xuống, là kết môn hữu tướng của hai bài tụng sau, tụng



rằng:

*Các nêu bày kiến lập,  
Tất cả pháp tìm cầu, Và  
như thật biết khắp, Như  
thế, các vô lượng, Quả  
thắng lợi nói pháp,  
Tánh Đại thừa và nhiếp,  
Bồ-tát mười nên biết,  
Kiến lập các danh hiệu,  
Vì nói biết như thật.*

Tất cả an lập đều được khéo léo, đây là kết nêu bày kiến lập thứ nhất.

Nói “từ tìm cầu này v.v...” trở xuống, đây là pháp kết tất cả pháp tìm cầu thứ hai.

Nói “từ đây, ở đây, do đây”, nghĩa là từ các Như lai, nêu bày kiến lập ở tất cả pháp do tuệ mà tìm cầu.

Nói “đã tìm cầu xong, do rốt ráo này” trở xuống, đây là kết như thật biết khắp thứ ba.

Nói “với các an lập được khéo léo, cho đến Tam-ma-địa vương”, đây là kết các vô lượng như thế thứ tư, tức là năm vô lượng.

Đạt được Tam-ma-địa như thế xong, cho đến đều có quả vượt hơn, đây là kết lợi quả nói pháp thứ năm, có thể đối với Đại thừa rốt ráo xuất ly, đây là kết tánh Đại thừa thứ sáu. Do dựa vào tánh đại mà vì xuất ly, nên có thể Nhiếp Đại thừa, đây là kết nhiếp thứ bảy.

Do đây lại ở kia, trong địa vị xuất ly của Đại thừa kia, đây là kết mười điều nên biết của Bồ-tát thứ tám.

Được các danh kia, cho đến đều khen ngợi chung, đây là kết kiến lập các danh hiệu thứ chín.

Phải biết rằng danh này đã có thể khen ngợi công đức thù thắng, nghĩa là tổng kết chương thứ hai.

Dưới đây là 25 tổng kết phẩm Công đức xong.

Do được như thế, cho đến thành tựu tướng Bồ-tát kia, đây là kết phẩm Tướng Bồ-tát kia, nghĩa là các Bồ-tát có năm tướng Bồ-tát chân thật. Nếu thành thực thì rơi vào số Bồ-tát, cho đến nói rộng.

Chánh hạnh như thế, cho đến đối tượng (sự việc) có thể thành xong, kết phẩm Phần kia.

Trong hai phần có thể hoàn thành xong, cho đến ý lạc tăng thượng, là kết phẩm Ý lạc.

Ý lạc như thế v.v... trở xuống, đây là kết phẩm Trụ.

Từ đây trở lên, cho đến gặp Phật Bồ-tát, đây là kết phẩm Sinh.

Và, có thể khởi làm các việc đem lại lợi ích lớn cho tất cả hữu tình, là kết phẩm Nhiếp Thọ.

Luôn thường không có gián cách, cho đến “như nhà cửa của mình”, đây là kết phẩm Địa.

Trụ địa vị này xong, cho đến bất sinh hỷ tức, đây là kết phẩm Hạnh.

Thăng tấn như thế, chứng được rốt ráo v.v... trở xuống, là kết phẩm Kiến lập, là gọi là thứ lớp của nghĩa Bồ-tát, nghĩa là tổng kết.

Địa hữu dư y, Cửu Địa trước trong mười bảy địa, nói về cảnh. Sáu địa kế là, nói về nhân đã xong. Nhị Địa sau đây, nói về quả của địa đó. Vì quán cảnh, khởi hạnh mới chứng quả. Trong đây, nếu dựa vào Nhị thừa, thì nhân mất, quả táng, quả lập hai môn để làm trước, sau. Nếu đến thân Phật, thì Bồ-đề, Niết-bàn sẽ được chia thành hai pháp khác dùng làm trước, sau. Trong Nhiếp luận, ngài Thế Thân giải thích do hạt giống diệt hữu dư. Quả báo đều diệt, gọi là Vô dư.

Lại, hữu dư gọi là Thanh (trong) vì lìa vết nhơ của phiền não, nên vô dư gọi là lương (mát mẻ), lìa nóng bức của báo khổ. Lại nói hai thân ứng, hóa là hữu dư; pháp thân là vô dư, đây là y cứ Tha thọ dụng và thân biến hóa, khởi công dụng chưa thôi dứt gọi là hữu dư. Nếu hai thứ này thôi dứt, gọi là vô dư, do thân tự thọ dụng một khi được nối tiếp nhau thì sẽ không có dứt mất. Nay, ở đây cho rằng không nói Niết-bàn hữu dư, chỉ nói hữu dư y, vì ở đây không được lấy riêng Niết-bàn. Thích luận giải thích rằng: - địa hữu dư y, nghĩa là địa hữu dư y Niết-bàn. Y tức là đối tượng nương tựa (sở y) của hữu lậu. Đại khái có tám thứ:

Thi thiết y, cho đến hậu biên y thứ tám, nay hoàn toàn lấy một biên y sau cùng, trừ sự sáu nhiếp trôi lăn chướng ngại lấy một phần còn lại. Lại, trong địa này có bốn vắng lặng. A-la-hán v.v... trụ địa Vô học, đủ bốn vắng lặng có một ít dư y, cho nên nói là địa hữu dư y. Địa này tức là các pháp hữu lậu trong thân vô học của Nhị thừa, đều là tự tánh. Đức Như lai tùy thân tâm hữu lậu dư y không có chân định, có biến hóa tự hữu lậu y, nên y theo tướng khác cũng được nói là hữu dư y địa.

Trong văn đầu tiên, là kết trước, sau chia ra hai môn chương. Sau dựa vào chương để nói. Một địa nêu bày an lập, nghĩa là trong mười bảy địa, văn này lấy mười một địa hoàn toàn, phần nhỏ của Ngũ Địa là thể của địa này. Vì sao? Vì trong Ngũ Địa, vả như có năm vị vô tâm trong địa vô tâm, nghĩa là vô tâm thù miên, Vô Tướng định và bao định Diệt

tận, nhập cõi Niết-bàn Vô dư y v.v... Nay chỉ lấy bốn địa vị trước, vì trừ Niết-bàn Vô dư y, nên nói một phần là thể của địa này, một phần của Tu sở thành địa. Pháp sư Cảnh nói rằng hai Niết-bàn đều là tu tuệ đã thành sở đắc của ba thừa. Thời nay, chỉ lấy tu tuệ có thể thành ba thừa, có thể được nghĩa Niết-bàn hữu dư, nên nói một phần.

Pháp sư Khuy Cơ nói tu thành hữu vi, vô vi trong địa do tu thành. Vô vi của địa kia là thể của Vô dư y, nay loại trừ, lấy tu thành hữu vi.

Hỏi: Nói tu sở thành, chỉ là tu, vì sao có lời nói vô vi?

Nghĩa: Nói thẳng là tu tuệ thì không theo vô vi. Nay, nói tu sở thành, đã có lời nói sở thành nên có cả vô vi. Địa Thanh văn v.v... kia nói chung bốn đế. Trong diệt đế kia có nhân tận quả, tận vô vi. Nay, vì phân biệt bỏ quả, tận vô vi, nên nói dứt trừ một phần. Vô dư y địa, tức đã dứt trừ hoàn toàn.

Hỏi: Địa khác cũng có chẳng phải thể của địa này. Vì sao chỉ trừ một phần của Ngũ Địa này?

Nghĩa là từ nhiều tướng, từ biện luận. Lại, tùy làm rõ tướng, nghĩa là lấy bỏ. Tướng ẩn giấu của địa kia chẳng phải là thể của địa này, nghĩa là lược qua mà không luận.

Thứ ba, dựa vào trong lập bày rằng: Và, vì dựa vào đây nên giả đặt ra tên gọi như thế, cho đến bờ mé của lượng tuổi thọ như thế, tướng của các tướng v.v... giả dùng lời nói, nghĩa là ở năm thủ uẩn, giả đặt tám câu lời nói. Quyển như thế, nói La hán khởi tám câu này dựa vào Tương ứng, Bất tương ứng này.

Rằng khởi sáu sự nhiếp thọ không tương ứng chung, nghĩa là tương ứng chung với sự nhiếp thọ của cha mẹ, vì người Vô học không bỏ cúng dường cha mẹ. Vì sáu việc lia bỏ khác, nên không tương ứng chung.

Với trôi lăn chướng ngại, nương tựa một bề hoàn toàn không tương ứng. Thới Pháp sư nói do tham thu hưởng trong bốn thức trụ, nên gọi là “hưởng về thức trụ” v.v... La hán không có tham, vì chẳng phải sắc thu hưởng thức trụ v.v..., nên không có bốn thức trụ, đó là nhân duyên không thành nhân quả của A-la-hán. Với sự nương tựa khác, chẳng phải tương ứng, chẳng phải Bất tương ứng. Pháp sư Cảnh nói với sự nêu bày ban đầu dựa vào năm thủ uẩn chẳng phải tương ứng, vì đã lia các thủ. Thân sau của A-la-hán dù rằng lia thân thủ, nhưng vẫn là loại thủ uẩn, nên chẳng phải Bất tương ứng. Với trụ trì thứ ba kia dựa vào danh, chẳng phải tương ứng, vì đã lia yêu thích bốn cách ăn, nên chẳng phải bất tương ứng. Thân sau của A-la-hán vẫn mượn bốn chi thực nhằm duy trì trụ.

Khổ não thứ sáu dựa vào danh chẳng phải tương ứng, vì không gây ra nghiệp ác, chiêu cảm nhân khổ, vẫn thọ nghiệp đời trước vì gây ra báo khổ.

Với vui vẻ thứ bảy kia dựa vào danh, chẳng phải tương ứng, vì lia tham tĩn lự, niềm vui định, mà có niềm vui định thanh tịnh lia nhiễm, chẳng phải tương ứng.

Thối Pháp sư nói về sau không nối tiếp nhau, là chẳng phải tương ứng, thân này tạm có chẳng phải không tương ứng, nên nói là với sự nường tựa khác chẳng phải tương ứng, chẳng phải không tương ứng.

Địa vô dư y, thể của địa này tức cái mà địa trước đã dứt trừ. Về nghĩa, cứ theo trước nên biết. Thích luận giải thích rằng: - Nghĩa là địa vô dư y Niết-bàn. Tất cả hữu lậu dư y đều xả. Hữu vi, vô lậu của Nhị thừa cũng xả. Đức Như lai dù có hữu vi vô lậu mà không có tất cả hữu lậu dư y, nên cũng nói là địa vô dư y.

Trong văn, đầu tiên, là kết trước, sinh sau, chia ra ba chương. Sau, dựa vào hai chương để giải thích.

Nói một phần của Ngũ Địa tức thuộc về địa này. Trong địa vô tâm gồm thân chung định vô tâm và Niết-bàn. Nay, chỉ gồm thân địa vô dư y trong địa do tu thành, cũng lấy Niết-bàn vô dư. Do tu tuệ được, là vì tu quả, nên thuộc về địa do tu mà thành ba thừa đều có cả vô dư, về nghĩa này có thể hiểu. Năm thức tương ứng ngang với mười một địa, đều là có tánh tâm, nên không chung với vô dư. Lại, ở trong đây y theo vô dư của Ba thừa, nói chung, chỉ nói có phần của Ngũ Địa. Nếu y theo Như lai cũng có địa không có tâm, không có từ, ngang đồng với địa khác.

Lại giải thích thức thuận với ý, vì là hữu lậu. Phật địa không nói năm thức, ý địa và địa định, tấn v.v...

Nói: 1/ “Số giáo vắng lặng” nghĩa là số giáo là số v.v... là ngôn giáo, đều thôi dứt trong vô dư y.

2/ Tất cả dựa vào vắng lặng, Pháp sư Cảnh nói lia tám y trước trong cõi Vô dư, gọi là y vắng lặng. Thối Pháp sư nói “y” là tên khác của thân, lại là tên khác của hữu lậu.

3/ “Y” là dựa vào khổ, vắng lặng. Pháp sư Cảnh nói dựa vào tám y trước mà sinh, nỗi khổ của chúng sinh cũng được tiêu diệt hẳn.

Thối Pháp sư nói thân gọi là “y”. Nỗi khổ nường tựa vào thân, gọi là nường tựa y.

4/ Dựa vào nỗi khổ của thân (y) sinh ra ngờ. Pháp sư Cảnh nói rằng dựa vào tám y sinh khổ lo nghĩ ngờ vực, trong vô dư không có.

Thối Pháp sư nói dựa vào nỗi khổ của y (thân) đồng với trước.

Người học phàm phu và người vô học lo nghĩ nỗi khổ ở vị lai là sinh, không do có tâm thấp kém.

Đẳng tụng, nghĩa là dẫn kinh nói, hai câu trước có thể chứng nhân của hai Niết-bàn. Câu thứ ba là quả của hữu dư. Câu thứ tư là quả của vô dư.

Nói là với tất cả y không tương ứng, chính là chân vô lậu. Pháp sư Cảnh nói theo Nhiếp luận nói về sáu thứ chuyển y. Thời nay đã nói, tức là chuyển viên mãn, chuyển tám y trước, phiền não và nỗi khổ đã làm sáng tỏ chân như, gọi là giới vô lậu.

Dưới đây, nêu hai kinh để chứng minh, như nói Bí-sô vắng lặng hẳn gọi là an trụ niềm vui chân thật, nghĩa là Niết-bàn vô dư, gọi là vắng lặng hẳn, trụ yên vui chân thật. Lại, như nói là thật có vô sinh, cho đến “vô đẳng” sinh khởi, nghĩa là thật có thể của Viên thành thật vô dư.

Thối Pháp sư nói vô đẳng, nghĩa là pháp vô vi không có gì sánh bằng.

“Cũng có” cho đến “có” đều sinh khởi, nghĩa là do nói lại vô dư tập khởi nhân duyên có trụ, sinh có khởi y tha khởi tánh.

Nếu đương lai không có sinh v.v... trở xuống, giải thích trái lại, nếu không có mê vô dư, thì cuối cùng sẽ không nói là có y tha sinh khởi, cho đến ngược dòng có xuất ly hẳn, tức là kinh nói nếu không có Như lai tạng, thì sẽ không được gieo trồng nỗi khổ. Do thật có cho đến có xuất ly hẳn nghĩa là kết thuận, tức là kinh nói từ vô trụ, vốn lập tất cả pháp.

Nói số không thể đếm, vì không có hai thuyết, nên gọi là không có số. Thối Pháp sư nói số không bị đếm, lại vì không có nghĩa phân biệt hai thuyết, nên nói là thuyết. Nói là “có” “chẳng phải có”, không thể nói, nghĩa là chân như vô tướng, tánh ly ngôn không thể nói là có, kể cả chẳng phải có.

Nói tức sắc, lìa sắc vì không thể nói, nghĩa là sắc trở ngại, như không trở ngại, không thể nói “tức”. Vì “tức” sắc nói “như”, nên không nói “lìa”, cho đến “tức” thức, “lìa” thức, nghĩa không thể nói, so với trước nên biết.

Môn khác vắng lặng, nghĩa là nếu dựa vào Tiểu thừa thì có tám tên: gọi là đoạn, không có dục, diệt, đế, đoạn biết, quả Sa-môn, hữu dư Niết-bàn, vô dư Niết-bàn.

Nay, trong Đại thừa phải biết khác với vắng lặng, gọi là vô lượng. Nay, chỉ nói sơ lược về hai mươi sáu thứ, lời văn rất dễ hiểu.